

Bản án số: 14/2023/DS-ST  
Ngày: 17-3-2023  
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Hà Ứng Cương
- Ông Nguyễn Văn Kiện

**Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2022/TLST-DS, ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: Phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D, chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nhan Trường P, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng bán lẻ - Ngân hàng TMCP N- chi nhánh Kiên Giang. (Theo Giấy ủy quyền ngày 24-10-2022) (có mặt).

Địa chỉ: Phường B, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

**2. Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện C, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 24-10-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) N trình bày như sau:*

Vào ngày 29/11/2018 Ngân hàng TMCP N có ký hợp đồng phát hành và sử dụng tín dụng với Ông Huỳnh Văn T, số tài khoản thẻ là V0090001236 và yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Visa, số tiền vay là 50.000.000 đồng,

lãi suất vay: lãi thẻ tín dụng là 18%/năm, phí chậm thanh toán là 3%/ số tiền chậm thanh toán, phí vượt hạn mức thẻ từ 01 đến 5 ngày là 8%/năm/số tiền vượt quá hạn mức; từ 06 đến 15 ngày là 10%/năm/ số tiền vượt quá hạn mức; từ 16 ngày trở lên 15%/năm/ số tiền vượt quá hạn mức. Hình thức trả nợ là tiền lãi trả theo sao kê, tiền gốc trả theo sao kê, mục đích vay tiêu dùng. Hiện còn dư nợ đến ngày 20/12/2022 là 76.955.346 đồng trong đó nợ gốc là 12.825.707 đồng, nợ lãi là 16.173.321 đồng, phí chậm thanh toán là 45.514.860 đồng, phí vượt hạn mức là 2.441.458 đồng. Hiện nay đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và đã tạo điều kiện cho ông T trả nợ nhưng ông T vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Đến ngày 07-3-2023 thì ông T đã trả số tiền nợ gốc cho Ngân hàng là 12.825.707 đồng, còn nợ lại số tiền lãi là 16.722.888 đồng, phí chậm thanh toán là 52.700.187 đồng và phí vượt hạn mức là 3.616.939 đồng, tổng cộng là 73.040.014 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP N có yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số tiền nợ gốc là 12.825.707 đồng, chỉ yêu cầu ông T thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi là 16.722.888 đồng, phí chậm thanh toán là 52.700.187 đồng và phí vượt hạn mức là 3.616.939 đồng, tổng cộng là 73.040.014 đồng.

*Bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày tại Tòa án:*

Ông T thừa nhận vào ngày 29/11/2018 ông có ký hợp đồng phát hành và sử dụng tín dụng với Ngân hàng TMCP N số tài khoản thẻ là V0090001236 và yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank Visa, số tiền vay là 50.000.000 đồng, lãi suất vay: lãi thẻ tín dụng là 18%/năm, phí chậm thanh toán là 3%/ số tiền chậm thanh toán, phí vượt hạn mức thẻ là từ 01 đến 5 ngày là 8%/năm/số tiền vượt quá hạn mức; từ 06 đến 15 ngày là 10%/năm/ số tiền vượt quá hạn mức; từ 16 ngày trở lên 15%/năm/ số tiền vượt quá hạn mức. Hình thức trả nợ là tiền lãi trả theo sao kê, tiền gốc trả theo sao kê, mục đích vay tiêu dùng. Trong thời gian vay thì ông đã thanh toán dần dần cho Ngân hàng và hiện nay còn nợ Ngân hàng TMCP N số tiền gốc là 12.825.707 đồng nhưng do dịch bệnh covid làm ăn gặp nhiều khó khăn nên chưa thanh toán hết nợ được cho Ngân hàng.

Ông T đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP N số nợ gốc là 12.825.707 đồng, nợ lãi là 16.173.321 đồng, phí chậm thanh toán là 45.514.860 đồng, phí vượt hạn mức là 2.441.458 đồng và các khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 21/12/2022 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ vay trên nhưng xin trả tiền gốc là 12.825.707 đồng trong ngày 23/12/2022 và xin Ngân hàng TMCP N giảm tiền lãi và phí.

Tại phiên tòa ông T xin vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 24-10-2022 Ngân hàng TMCP N có đơn khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn T trả tiền nợ vay cho Ngân hàng. Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Huỳnh Văn T có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] *Về nội dung*:

Toà án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số tiền nợ gốc là 12.825.707 đồng, chỉ yêu cầu ông T thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi là 16.722.888 đồng, phí chậm thanh toán là 52.700.187 đồng và phí vượt hạn mức là 3.616.939 đồng, tổng cộng là 73.040.014 đồng, Toà án nhận thấy:

Căn cứ vào hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế Vietcombank được ký kết giữa các bên ngày 29-11-2018, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và bản kê chi tiết các khoản nợ đã trả và còn phải trả do nguyên đơn Ngân hàng TMCP N cung cấp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở xác định giữa ông T và Ngân hàng có quan hệ vay tiền qua hình thức hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng. Hiện nay ông T còn nợ Ngân hàng số tiền tính đến ngày xét xử các khoản tiền sau: Tiền nợ lãi phát sinh tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày 07-3-2022 là 16.722.888 đồng, phí chậm thanh toán là 52.700.187 đồng và phí vượt hạn mức là 3.616.939 đồng, tổng cộng là 73.040.014 đồng. Tại Tòa án ông T cũng thừa nhận hiện nay còn nợ Ngân hàng tiền nợ gốc là 12.825.707 đồng và các khoản tiền lãi, phí chậm thanh toán cùng phí vượt hạn mức nhưng xin Ngân hàng được trả trước số tiền nợ gốc và xin Ngân hàng giảm tiền lãi và các khoản phí.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T trả toàn bộ số tiền nợ trên cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận, bởi vì :

Tính đến ngày 14-4-2020 ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã thông báo cho ông T biết và yêu cầu ông T thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Xét thấy giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được ký kết ngày 29-11-2018

giữa các bên đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định, việc thỏa thuận lãi suất cho vay phù hợp với Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017 nên sự thỏa thuận trên giữa Ngân hàng TMCP N và ông T được xem là hợp pháp. Theo tài liệu phía Ngân hàng cung cấp thể hiện khoản nợ lãi là 16.722.888 đồng, phí chậm thanh toán là 52.700.187 đồng và phí vượt hạn mức là 3.616.939 đồng, tổng cộng là 73.040.014 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng. Vì vậy, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện trên của Ngân hàng TMCP N.

[4] Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số tiền nợ gốc là 12.825.707 đồng nên HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp theo quy định pháp luật.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc ông Huỳnh Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số nợ phải trả cho Ngân hàng là:  $73.040.014 \text{ đồng} \times 5\% = 3.652.000 \text{ đồng}$ .

Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí; Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.900.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005161 ngày 16-11-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 26, 147, 227, 228, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N.
2. Buộc ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền nợ lãi là 16.722.888 đồng, phí chậm thanh toán là 52.700.187 đồng và phí vượt hạn mức là 3.616.939 đồng, tổng cộng là 73.040.014 đồng (Bảy mươi ba triệu bốn mươi nghìn không trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T không trả số tiền trên thì còn phải trả cho Ngân hàng khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

**3.** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N đối với ông Huỳnh Văn T về số tiền nợ gốc 12.825.707 đồng.

**4.** Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ nộp án phí là 3.652.000 đồng (Ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.900.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005161 ngày 16-11-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

**5.** Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Xuân**

